

Bản án số: 100/2020/HN&GD-ST

Ngày 23/6/2020.

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẬU LỘC, TỈNH THANH HÓA**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Cao Thị Nga.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Mai Đình Quế.

Bà Ngô Thị Phú.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Trương Mỹ Dung - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hậu Lộc tham gia phiên tòa:*

Bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Th, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn Ngh, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Bá T, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn Th, xã T, huyện L, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt bị đơn, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 12/02/2020, bản tự khai của nguyên đơn chị Phạm Thị Th như sau:*

Chị và anh Phạm Bá T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn do UBND xã T, huyện L cấp năm 2015. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, vì vậy cuộc sống vợ chồng lúc nào cũng căng thẳng, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và đã sống ly thân từ tháng 01/2019 đến nay không ai quan tâm đến nhau. Nay chị Th xét thấy không còn khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con: Vợ chồng có một con chung là Phạm Bá Bảo Kh, sinh ngày 20/10/2017. Ly hôn nguyện vọng của chị Th được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Kh, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Không có tài sản, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai của anh Phạm Bá T và lời khai tại phiên tòa thể hiện như sau:*

Anh và chị Phạm Thị Th tự nguyện tìm hiểu, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L năm 2015. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nên thường xảy ra mâu thuẫn cãi vã, do đó vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2019 cho đến nay không ai quan tâm đến nhau. Tại phiên tòa anh T cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn mà do chị Th tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó vợ chồng sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân anh và gia đình cũng đã đến để hòa giải nhưng chị Th không quay về mà làm đơn ly hôn, anh xét thấy tình cảm vợ chồng cũng không còn nên đồng ý ly hôn.

Về con: Vợ chồng có một con chung là Phạm Bá Bảo Kh, sinh ngày 20/10/2017. Nguyện vọng của anh T ly hôn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Kh, anh không yêu cầu chị Th cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Không có tài sản, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản xác minh ngày 27/02/2020 tại UBND xã T: Chị Phạm Thị Th và anh Phạm Bá T có xảy ra mâu thuẫn nhưng chỉ xảy ra trong nội bộ gia đình, chính quyền địa phương chưa lần nào can thiệp. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế vợ chồng khó khăn, anh T lại chơi bời không chăm lo đến gia đình, vợ chồng sống ly thân khoảng hơn một năm nay, cháu Bảo Kh là con của anh T và chị Th hiện đang ở

với anh T và ông bà nội, tuy nhiên anh T thường xuyên đi làm ăn xa nên việc chăm sóc cháu Bảo Kh là do ông bà nội.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị Th có đơn xin xét xử vắng mặt. Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hậu Lộc tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án, người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55; Điều 58; khoản 3 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về hôn nhân: Chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Th và anh Phạm Bá T.

Về con: Giao cháu Phạm Bá Bảo Kh cho chị Phạm Thị Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị Th không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Chị Phạm Thị Th và anh Phạm Bá T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Phạm Thị Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Phạm Thị Th khởi kiện ly hôn anh Phạm Bá T có nơi cư trú tại thôn Thành Tuy, xã T, huyện L, tỉnh Thanh Hoá. Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L.

[2] Về tố tụng: Anh Phạm Bá T đã nhận thông báo thụ lý vụ án, làm bản tự khai. Phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 09/6/2020 anh T có mặt, chị Th có đơn xin hoãn phiên tòa. Ngày 22/6/2020 chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Phạm Thị Th.

[3] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Th và anh Phạm Bá T kết hôn năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Th và anh T: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nên thường xảy ra mâu thuẫn cãi vã, do đó vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2019 cho đến nay không ai quan tâm đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và hai bên đã thuận tình ly hôn và sự thuận tình đó là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận sự thuận tình của hai bên về việc ly hôn.

[2] Về con: Chị Th và anh Tuấn có một con chung là Phạm Bá Bảo Kh, sinh ngày 20/10/2017. Chị Th và anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Xét thấy cháu Phạm Bá Bảo Kh còn nhỏ, chưa đủ 36 tháng tuổi cần sự chăm sóc nuôi dưỡng của người mẹ nên giao cháu cho chị Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và chấp nhận việc chị Th không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[3] Về tài sản và công nợ: Hai bên không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét

[4] Về án phí: Chị Phạm Thị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51, Điều 55; Điều 58; khoản 3 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

*Về hôn nhân:* Chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Th và anh Phạm Bá T.

*Về con:* Chị Phạm Thị Th và anh Phạm Bá T có một con chung là Phạm Bá Bảo Kh, sinh ngày 20/10/2017.

Giao cho chị Phạm Thị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Bá Bảo Kh cho đến khi cháu Kh đủ 18 tuổi, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng anh T cũng không được lạm dụng việc thăm nom con để gây cản trở đến cuộc sống riêng của chị Th.

*Về nghĩa vụ cấp dưỡng:* Chị Phạm Thị Th không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản và công nợ:* Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về án phí:* Chị Phạm Thị Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0007871 ngày 13 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hậu Lộc (Chị Th đã nộp đủ tiền án phí).

*Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Về quyền kháng cáo: Anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Th có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa.
- VKSND tỉnh Thanh Hóa
- VKSND huyện Hậu Lộc.
- Chi cục THADS huyện Hậu Lộc.
- UBND xã T.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Cao Thị Nga**